

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày 13-7-2021

V/v: Ly hôn giữa anh B và chị M

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mai Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Đạo.
2. Bà Nguyễn Thị Mai Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

Ngày 13-7-2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30-6-2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Lương B, sinh năm 1995

Trú tại: Thôn 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

“Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt”.

Bị đơn: Chị Trần Thị Sao M, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái.

“Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-6-2021, tại bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Lương B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Sao M kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 18-9-2020. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục và cũng không chung sống với nhau. Nguyên nhân là do sau khi tổ chức đăng ký kết hôn hai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn nên hoãn không tổ chức lễ cưới, nên vợ chồng đã sống mỗi người một nơi từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn của hai bên đã được gia đình hòa giải nhưng vợ

chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Sao M.

Về con chung: Chưa có.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16-6-2021, bị đơn chị Trần Thị Sao M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Lương B kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 18-9-2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng xin hoãn đám cưới và không tổ chức đám cưới nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Nguyễn Lương B không còn. Anh Bằng xin ly hôn, chị Mai đồng ý.

Về con chung, về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Lương B có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn chị Trần Thị Sao M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Lương B và chị Trần Thị Sao M có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 18-9-2020 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chưa chung sống cùng nhau và chưa tổ chức đám cưới theo phong tục đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng có mâu thuẫn với nhau nên đám cưới bị hoãn. Anh Nguyễn Lương B và chị Trần Thị Sao M đã sống mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau từ đó đến nay. Điều đó, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ để anh Nguyễn Lương B được ly hôn chị Trần Thị Sao M theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Anh Nguyễn Lương B và chị Trần Thị Sao M xác nhận là chưa có.

[4] *Về tài sản chung và công nợ chung:* Anh Nguyễn Lương B và chị Trần Thị Sao M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Anh Nguyễn Lương B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Lương B được ly hôn chị Trần Thị Sao M.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Lương B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0008740 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 15-6-2021.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS h. T;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Mai Hằng

